

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 05 tháng 09 n

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn
1	Nguyễn Hải An	TP	9D8	CD (9D2, 9D7, 9D8, 9D9) + Văn (9D3, 9D8)
2	Dương Thị Việt Bắc			Anh (7B1, 7B3, 7B4, 7B5, 8C1, 8C7) + Nhạc (7B2)
3	Lê Thị Bích			Pháp (6A1, 6A5, 6A6, 6A8, 7B2, 7B3, 7B4) + Nhạc (6A4, 6A5, 6A7, 7B6, 7B7)
4	Nguyễn Thị Hải Chiến	TKHĐ	9D9	Địa (9D9) + Văn (9D6, 9D9) + HDTN (7B6)
5	Phạm Văn Chuyển			TD (6A1, 6A2, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7)
6	Bùi Thị Dịu		7B7	CNg (7B2, 7B4, 7B5) + Toán (6A8, 7B3, 7B7)
7	Hà Thị Lan Dung			CD (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7) + Nhạc (6A1, 6A2, 6A3, 6A8)
8	Vũ Thị Duyên	TP	8C5	Sinh (8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 9D7)
9	Trần Minh Đông			Toán (8C5, 9D2, 9D9) + Tin (9D6, 9D8, 9D9)
10	Nguyễn Hoàng Giang			Hoá (9D8, 9D9)
11	Vũ Hương Giang	TPT		Nhạc (7B3, 7B4)
12	Vũ Hằng Hải	PM+Tăng cường		Tin (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 8C5, 8C6)
13	Nguyễn Thị Hạnh		6A3	CNg (6A1, 6A4, 6A5, 6A6, 6A8) + Toán (6A3, 7B6) + HDTN (6A3, 6A4)
14	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	PHT		Anh (7B2) + HN (9D6, 9D7, 9D8, 9D9)
15	Phạm Thị Hằng		7B4	Toán (7B1, 7B4, 8C4) + Tin (7B2, 7B3, 7B4)
16	Phạm Thị Thu Hằng		7B1	GDDP (6A7, 6A8) + Văn (7B1, 7B4, 7B6) + HDTN (7B1)
17	Nguyễn Thị Hiền			Nhạc (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9) + Họa (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8) + HDTN (6A1, 6A2)
18	Nguyễn Thu Hiền		9D1	Địa (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D7, 9D8) + HDTN (7B7)
19	Từ Thị Hiền	TT	6A8	Sử (6A7, 6A8) + Văn (6A2, 6A8)
20	Đào Thị Hoa	TTND, PCTCĐ	9D7	Hoá (8C1, 8C2, 8C5, 8C6, 9D6, 9D7)
21	Nguyễn Thị Hoa		8C8	Địa (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 9D6) + Văn (8C8) + HĐNG (8C8, 8C5)
22	Nguyễn Kim Hoài			Anh (6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B6, 7B7) + Nhạc (7B1)
23	Nguyễn Bích Hoàn		7B3	CNg (7B3) + KHTN(S) (6A7, 6A8, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5)
24	Nguyễn Thu Hòa	TT	7B2	Toán (7B2, 7B5, 8C8)
25	Nguyễn Thu Hòa	TBDH		Tin (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B1, 7B5, 7B6, 7B7, 9D5,9D7)
26	Trần Thị Mai Hồng		9D2	Sử (8C1) + Văn (9D2, 9D7) + Nhạc (8C7, 8C8) + HĐNG (9D1, 9D2)
27	Vũ Thị Hồng		9D5	CD (9D1, 9D4, 9D5, 9D6) + Văn (9D4, 9D5) + HĐNG (9D5, 9D7)
28	Trần Thị Hợi		7B5	Văn (7B2, 7B5, 8C3) + HDTN (7B4, 7B5)
29	Ngô Thị Thu Huyền	UVCD+TTKT		Nhạc (6A6) + Họa (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7)
30	Hà Thu Hương		9D3	CD (9D3) + Sử (8C2, 8C3, 8C7, 8C8, 9D3, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9) + HĐNG (9D3)

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 05 tháng 09 n

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn
31	Hà Thị Thanh Mai	TT, UVCĐ	6A1	GDDP (6A1, 6A2, 6A4) + Văn (6A1, 6A4, 6A6)
32	Vũ Thị Bích Ngọc			Anh (8C2, 8C8, 9D2, 9D4, 9D8)
33	Kiều Bích Nguyệt		8C6	CD (8C1, 8C2, 8C3, 8C6, 8C7, 8C8) + Văn (8C5, 8C6) + HĐTN (7B2)
34	Lê Thị Ninh		6A5	GDDP (6A3, 6A5, 6A6) + Văn (6A3, 6A5, 6A7)
35	Nguyễn Thị Ninh		8C7	CNg (9D7, 9D9) + Toán (8C2, 8C7, 9D5) + HĐNG (8C6, 8C7)
36	Nguyễn Thu Phong		6A6	Lý (9D8, 9D9) + Toán (6A2, 6A6) + HĐTN (6A5, 6A6)
37	Hoàng Kim Phương			Sử (8C4, 8C5, 8C6) + Văn (7B3, 7B7, 8C1)
38	Nguyễn Thanh Phương	TP	9D4	CNg (9D8) + Toán (8C1, 9D1, 9D4) + HĐNG (9D4, 9D8)
39	Vũ Thị Thu Phương		6A2	CNg (6A2) + Địa (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B2, 7B3, 7B7)
40	Nguyễn Thị Bích Phượng			Hoa (8C3, 8C4, 8C7, 8C8, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5) + HN (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5)
41	Nguyễn Thị Quyên			Sử (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7)
42	Dương Văn Tâm			Sinh (8C1, 8C2)
43	Phạm Thị Tuyết Thanh	TP	6A4	Lý (9D2, 9D3, 9D4) + Toán (6A4, 6A7)
44	Đặng Văn Thành			Toán (6A1, 8C6) + TD (6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A8)
45	Phạm Thị Thanh Thảo			Anh (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 9D3, 9D5, 9D6) + Nhạc (7B5)
46	Trần Thị Phương Thảo	PHT		Toán (6A5)
47	Nguyễn Thị Thắm	TP + CN CLB		TD (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8)
48	Nguyễn Thị Phương Thắm			KHTN(L) (7B5, 7B6, 7B7) + Lý (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 9D1, 9D5, 9D6, 9D7)
49	Nguyễn Thị Lệ Thu	TBDH		CNg (6A3, 7B1, 7B6, 7B7, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8)
50	Bùi Thị Thủy	CTCĐ	8C4	CD (8C4, 8C5) + Văn (8C4, 9D1) + HĐTN (7B3)
51	Nguyễn Thị Xuân Thủy			Anh (8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 9D1, 9D7, 9D9)
52	Nguyễn Hoàng Thủy	TT	7B6	KHTN(H) (6A4, 6A7, 6A8, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7) + KHTN(S) (7B6, 7B7)
53	Nguyễn Thị Thúy		8C1	Pháp (8C1, 8C2, 9D5, 9D7) + Nhạc (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6) + HĐNG (8C1, 8C3)
54	Trần Thị Thu Thương			Sinh (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D9) + KHTN(H) (6A1, 6A2, 6A3, 6A5, 6A6)
55	Trần Thị Thu Trang			Địa (7B1, 7B4, 7B5, 7B6) + KHTN(S) (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6)
56	Vũ Huyền Trang		8C2	Sử (9D1, 9D2, 9D4, 9D5) + Văn (8C2, 8C7) + HĐTN (6A7, 6A8) + HĐNG (8C2, 8C4)
57	Trần Thị Ánh Tuyết	HT		Sinh (9D8)
58	Nguyễn Thị Tươi	Web+SMAS		Tin (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C7, 8C8)
59	Nguyễn Thị Vân		9D6	CNg (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6) + Toán (9D6, 9D7)
60	Nguyễn Thị Yên		6A7	CNg (6A7) + KHTN(L) (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4) + TD (6A7)

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 05 tháng 09 n

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn
61	Nguyễn Thị Hồng Yên	GVHD		CNg (8C1, 8C2)
62	Trương Thị Yến			TD (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)
63	Vũ Thị Hải Yến	TT	8C3	Toán (8C3, 9D3, 9D8)

Số 1

ăm 2022

Số tiết
19
19
19
19
18
19
19
19
18
4
2
19
19
4
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
19
18
19
18,5

Số 1

ăm 2022

Số tiết
19
18
19
19
19
18
18
19
19
19
19
4
19
18
19
4
19
19
19
19
18
21
19
19
20
19
2
19
18
19

Số 1

ăm 2022

Số tiết
4
18
19